

Số: 17/2020/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 07 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố N, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố N, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147; 212 ; 213 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, Điều 26 Luật Thi Hành án.

- Căn cứ vào Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn N

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2, Về con chung: Giao 2 con chung Trần Hà L sinh ngày 17/01/2012 và cháu Trần Tuệ M sinh ngày 10/03/2015 cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng là 5.000.000 đồng , kể từ tháng 02

năm 2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Hai bên vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không bên nào được ngăn cản, khi cần thiết có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3, Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không có tài sản chung và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4, Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng:

- Án phí ly hôn: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Cả hai số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001372 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

□ *Trường hợp quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự* □./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND. TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND xã Ninh Tiến.
- Các đương sự;
- Lu hồ sơ vụ án;
- Lu án văn./

**THẨM PHÁN**

**Phạm Viết Hoàng**